

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM- ST  
Ngày: 01/02/2018  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Đức
2. Ông Trần Hoàng Hải

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLST-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V. N.***

Địa chỉ: Số X đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Ngọc C - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V. N - Chi nhánh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền số 569 ngày 08 tháng 06 năm 2017).

Địa chỉ: Số Y đường N, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Đông S - Trưởng phòng giao dịch Hàm Tân (Văn bản ủy quyền số 569 ngày 08 tháng 06 năm 2017). Có mặt.

Địa chỉ: Số Z đường L, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông **Đỗ Trọng Q**, sinh năm 1971 - Chủ hộ kinh doanh H.T.P (Theo giấy phép kinh doanh số 48J8004532). Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 20.9.2017 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Li, đại diện phía nguyên đơn trình bày:*

Ông Đỗ Trọng Q có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V.N tại Phòng giao dịch H.T theo 02 hợp đồng là:

- Hợp đồng tín dụng số 16690011/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 10/3/2016, số tiền vay là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng); lãi suất là 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 10/3/2016 đến ngày 10/3/2021); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 25 bắt đầu từ 25/3/2016, gốc trả 3 tháng/lần vào ngày 25 bắt đầu từ ngày 25/5/2016; mục đích vay là đầu tư nhà nghỉ để kinh doanh. Số lãi đến hạn vào kỳ ngày 25/3/2016, ông Q không thanh toán đúng hạn (ngày 04/4/2016 mới thanh toán). Tính đến ngày 20/9/2017, ông Q còn nợ số tiền là 254.189.230 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín ngàn hai trăm ba mươi đồng) trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng, lãi cộng dồn là 13.991.666 đồng và lãi phạt cộng dồn là 197.564 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 16690126/2016-HĐTDHM/NHCT600 ngày 04/11/2016, số tiền vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); lãi suất là 9,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 04/11/2016 đến ngày 04/11/2017); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 25 bắt đầu từ ngày 25/11/2016, gốc trả khi hết hạn; mục đích vay là thanh toán tiền mua bò thịt để kinh doanh. Số lãi đến hạn vào kỳ ngày 25/11/2016, ông Quang không thanh toán đúng hạn (09/12/2016 mới thanh toán kỳ này). Tính đến ngày 20/9/2017, ông Q còn nợ số tiền là 265.701.389 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ một ngàn ba trăm tám mươi chín đồng) trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, lãi cộng dồn là 15.701.389 đồng.

Tổng cộng, tính đến ngày 20/9/2017, ông Q nợ Ngân hàng số tiền là 519.890.619 đồng. Theo hợp đồng, ông Q đã vi phạm liên tục hơn 12 tháng không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng cả gốc và lãi theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Q có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại xã T, huyện H.T, tỉnh Bình Thuận, nay thuộc khu phố 4 phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 873151 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 01/12/1997, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 24/02/2016) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 16690011/HĐTC ngày 07 tháng 3 năm 2016 và Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp số 16690011/HĐTC-VBSĐ ngày 03 tháng 11 năm 2016, đều được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Đỗ Trọng Q trả cho Ngân hàng TMCP Công thương V. N, Chi nhánh Bình Thuận số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 16690011/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 10/3/2016 là 254.189.230 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi chín ngàn hai trăm ba mươi đồng) và theo Hợp đồng tín dụng số 16690126/2016-HĐTDHM/NHCT600 ngày 04/11/2016 là 265.701.389 đồng (Hai trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm lẻ một ngàn ba trăm tám mươi chín đồng), tổng cộng là: 519.890.619 đồng (Năm trăm mười chín triệu tám trăm chín mươi ngàn sáu trăm mười chín đồng).

- Buộc ông Đỗ Trọng Q phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh và tiền lãi nợ quá hạn, phí theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 16690011/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 10/3/2016 và Hợp đồng tín dụng số 16690126/2016-HĐTDHM/NHCT600 ngày 04/11/2016 tương ứng với số nợ gốc thực tế kể từ ngày 20/9/2017 đến khi thi hành xong khoản nợ.

- Trường hợp ông Đỗ Trọng Q không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Công Thương V. N có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản bảo đảm của ông Đỗ Trọng Q để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn còn yêu cầu buộc ông Q cũng phải chịu phí, lệ phí, chi phí cưỡng chế liên quan đến vụ án khi tổ chức giao tài sản để phát mãi cho đến khi thu hồi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đông S, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Đỗ Trọng Q phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V.N, Phòng giao dịch Hàm Tân số tiền nợ gốc là: 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2018 là 50.894.792 đồng. Tổng cộng là 540.894.792 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

*Theo lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, ông Đỗ Trọng Q – bị đơn trình bày:*

Ông Q thừa nhận có ký hai hợp đồng tín dụng như Ngân hàng đã trình bày để vay số tiền là 280.000.000 đồng và 250.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc là 530.000.000 đồng. Mục đích vay để kinh doanh. Đối với khoản vay 280.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 16690011/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 10/3/2016 và khoản vay 250.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 16690126/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 04/11/2016 ông Q có dùng tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất như nguyên đơn trình bày. Ông Q thừa nhận còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V.N, Chi nhánh Bình Thuận, phòng Giao dịch Hàm Tân số tiền là nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/01/2018 là 540.894.792 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên bị đơn không có tiền trả nợ Ngân hàng.

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Riêng về thời hạn gửi Quyết định gia hạn, Quyết định xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát là trễ hạn theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:*

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Đỗ Trọng Q phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31.01.2018 là 540.894.792 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Trọng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Trọng Q trả nợ tiền gốc và lãi theo như Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp. Ông Đỗ Trọng Q có đăng ký hộ kinh doanh và vay tiền để dùng vào mục đích kinh doanh. Đến hạn, ông Q không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Như vậy, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên là vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

Về tư cách tố tụng: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 48J8004532, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 3 năm 2015 được Phòng tài chính kế hoạch thị xã L cấp thì ông Đỗ Trọng Q là đại diện hợp pháp của hộ kinh doanh H.T.P có một thành viên (là ông Q). Ông Q đã ly hôn theo Quyết định số 310/2015/QĐST-HNGĐ do Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 14/2/2015, hiện đang sống độc thân. Đồng thời, hai hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đều xác định chỉ có ông Đỗ Trọng Q đứng tên vay và thế chấp tài sản. Như vậy, bị đơn được xác định là ông Đỗ Trọng Q, đại diện của hộ kinh doanh H.T.P.

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

- Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời khai của các đương sự, đủ căn cứ kết luận: Giữa ông Đỗ Trọng Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V.N – Chi nhánh Bình Thuận- Phòng Giao dịch H.T có ký kết hai hợp đồng tín dụng có nội dung hợp pháp, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 16690011/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 10/3/2016, số tiền vay là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng); lãi suất là 10%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 60 tháng (từ ngày 10/3/2016 đến ngày 10/3/2021); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 25 bắt đầu từ 25/3/2016, gốc trả 3 tháng/lần vào ngày 25 bắt đầu từ ngày 25/5/2016; mục đích vay đầu tư nhà nghỉ để kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng này, số lãi đến hạn vào kỳ ngày 25/3/2016, ông Q không thanh toán đúng hạn (ngày 04/4/2016 ông Q mới thanh toán).

- Hợp đồng tín dụng số 16690126/2016-HĐTDHM/NHCT600 ngày 04/11/2016, số tiền vay là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); lãi suất là 9,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 04/11/2016 đến ngày 04/11/2017); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 25 bắt đầu từ ngày 25/11/2016, gốc trả khi hết hạn; mục đích vay thanh toán tiền mua bò thịt để kinh doanh. Số lãi đến hạn vào kỳ ngày 25/11/2016, ông Q không thanh toán đúng hạn (09/12/2016, ông Q mới thanh toán kỳ này), mặc dù đã đến hạn trả nợ gốc nhưng ông Q vẫn không thực hiện.

Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi như thỏa thuận nhưng ông Q không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã tạo điều kiện thời gian để bị đơn thanh toán khoản nợ, qua hai lần hòa giải tại Tòa án, bị đơn ông Đỗ Trọng Q có hứa và đưa ra phương án về thời gian để thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng, nhưng vẫn không thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận: Buộc ông Đỗ Trọng Q phải trả nợ gốc và lãi đối với khoản vay của hai hợp đồng tín dụng số 16690011/2016-HĐTD/NHCT600 ngày 10/3/2016 và số 16690126/2016-HĐTDHM/NHCT600 ngày 04/11/2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương V.N, Chi nhánh Bình Thuận, Phòng Giao dịch H.T số tiền gốc là: 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2018 là 50.894.792 đồng. Tổng cộng là 540.894.792 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng). Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng, ông Đỗ Trọng Q đã đăng ký thế chấp và ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 16690011/HĐTC ngày 07 tháng 3 năm 2016, Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp số 16690011/HĐTC-VBSĐ ngày 03 tháng 11 năm 2016, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất I 873151, thửa số 07, tờ bản đồ số 09, diện tích đất thế chấp là 515 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Tn 170 m<sup>2</sup>, Đm 345 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Khu phố 4 phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (địa chỉ cũ: xã T, huyện H.T, tỉnh Bình Thuận) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 873151 do Ủy ban nhân dân huyện H.T, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 01/12/1997, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 24/02/2016. Xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 873151 đứng tên bà Lê Thị X. Tuy nhiên, đất đã được cập nhật thay đổi chủ sở hữu do ông Đỗ Trọng Q được nhận thừa kế và ông Q là chủ sở hữu hợp pháp nên tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ trên.

Về án phí: Ông Đỗ Trọng Q là bị đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 262, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 342, 351, 471, 474, 715 và 721 Bộ luật dân sự 2005;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 306 Luật thương mại;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đỗ Trọng Q phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương V.N, Phòng giao dịch H.T số tiền gốc là: 490.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 31/01/2018 là 50.894.792 đồng. Tổng cộng là 540.894.792 đồng (Năm trăm bốn mươi triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) và tiền lãi của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 16690011/HĐTC ngày 07 tháng 3 năm 2016, Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp số 16690011/HĐTC-VBSĐ ngày 03 tháng 11 năm 2016 là Quyền sử dụng đất I 873151, thửa số 07, tờ bản đồ số 09, diện tích đất thế chấp là 515 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Tn 170 m<sup>2</sup>, Đm 345 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại: Khu phố 4 phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (địa chỉ cũ: xã T, huyện H.T, tỉnh Bình Thuận) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 873151 do Ủy ban nhân dân huyện H.T, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 01/12/1997, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 24/02/2016 được dùng để đảm bảo thanh toán số nợ trên.

2. Về án phí: Ông Đỗ Trọng Q phải chịu 25.635.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương, Phòng giao dịch H.T số tiền tạm ứng là 12.397.500 đồng (Mười hai triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm đồng) theo biên lai số 0017417 ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**